TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THĂNG BÌNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Bản án số: **76**/2021/DS-ST Ngày: 14-9-2021. V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Phúc;

2. Ông Lưu Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLST–DS ngày 16/6/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; có mặt.

Trú tại: Tổ 4, thôn Đ, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Phan Thùy Đ, sinh năm: 1966; trú tại: Thôn L, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2021). Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1986 và Đoàn Ngọc N, sinh năm: 1982; vắng mặt.

Trú tại: Tổ 4, thôn Li, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau nên ngày 20/7/2019, chị T và anh N có đến nhà chị H vay số tiền 20.000.000 đồng nói để chung vốn mua cây cảnh với người khác; khi vay tiền vợ chồng chị T có viết giấy mượn tiền trước đề ngày 12/7/2019 và cam kết

sẽ hoàn trả trong thời hạn 01 tháng. Sau khi đến hạn trả nợ, chị yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng chị T trình bày do chưa đủ tiền để mua đủ số lượng cây nhập cho Công ty nên chưa lấy được tiền. Do vậy, vợ chồng chị T năn nỉ chị H cho vay thêm số tiền 30.000.000 đồng để gom đủ số lượng cây nhưng vì chị H chỉ còn 21.000.000 đồng, nên chị H tiếp tục cho vợ chồng chị T vay với hy vọng vợ chồng chị T gom đủ số lượng cây nhập cho Công ty để lấy đủ tiền trả cho chị. Do đó, ngày 11/02/2020 chị H cho vợ chồng chị T vay thêm số tiền 21.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng chị T chưa trả cho chị H số tiền trên; vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị T phải trả cho chị số tiền vay còn nợ là 41.000.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, bị đơn - chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị thừa nhận ngày 20/7/2019, vợ chồng chị có mượn của chị H số tiền 20.000.000 đồng để làm ăn và cam kết đến ngày 11/8/2019 sẽ hoàn trả. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, điều kiện khó khăn nên vợ chồng chưa có khả năng trả được số tiền trên. Riêng số tiền 21.000.000 đồng vay ngày 11/02/2020 là tiền lãi tính từ ngày 11/8/2019 đến ngày 11/3/2020. Nay vợ chồng chị T thống nhất trả lại cho chị H số tiền đã vay là 20.000.000 đồng.

Đối với bị đơn – anh Đoàn Ngọc N: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể làm việc được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng chị T và anh N phải trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 41.000.000 đồng. Chị H không yêu cầu tính lãi nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Ngọc N tại thôn Li, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh N trả số tiền vay còn nợ 41.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị T và anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này là đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét giao dịch của các bên đương sự thấy rằng: Tại giấy mượn tiền viết tay ngày 12/7/2019, chị T và anh N có vay của chị H số tiền 20.000.000 đồng, cam kết đến ngày 12/8/2019 sẽ hoàn trả số tiền trên, mục đích vay là để làm ăn. Tại giấy mượn tiền viết tay ngày 12/02/2020, vợ chồng chị T tiếp tục vay của chị H số tiền 21.000.000 đồng và cam kết đến ngày 12/3/2021 sẽ hoàn trả số tiền trên, mục đích là để làm ăn. Tổng số tiền vợ chồng chị T và anh N đã vay của chị H là 41.000.000 đồng. Chị H đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền và vợ chồng chị T, anh N đã nhận tiền. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền chị T và anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh N hoàn trả cho chị H số tiền 41.000.000 đồng và chị không yêu cầu tính lãi. Qua làm việc, chị T thừa nhận có vay của chị H số tiền 20.000.000 đồng nhưng do điều kiện làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị chưa có khả năng trả nợ. Đối với số tiền 21.000.000 đồng, vợ chồng chị vay ngày 12/02/2020 chị không thừa nhận và cho rằng đây là tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng mà vợ chồng chị đã vay của chị H ngày 12/7/2019 nên chị không đồng ý trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T và anh N đều vắng mặt không có lý do nên không thể tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Chị T và anh N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc phản đối yêu cầu của mình.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa vợ chồng chị T, anh N và chị H theo Giấy mượn tiền ngày 12/7/2019 và ngày 11/02/2020 nêu trên là Hợp đồng vay tài sản, dựa trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Đến nay, vợ chồng chị T và anh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên chị H khởi kiện là có cơ sở.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466, 470 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H; buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Ngọc N phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 41.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

1. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Ngọc N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị H số tiền 41.000. 000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là **2.050.000** *(Hai triệu không trăm năm mươi nghìn)* đồng, buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Ngọc N phải chịu. Hoàn trả cho chị Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.025.000 *(Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005983 ngày 16/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thể